TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Long
Bà Bùi Bích Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân

huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 259/2018/TLST–HNGĐ ngày 09/10/2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Ma Thị V

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện L, tỉnh Y (có mặt)

- *Bị đơn:* anh Hoàng Văn Giới

Địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện L, tỉnh Y (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ma Thị V trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn G kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện L, tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G hay ghen tuông vô cơ có hành vi xúc phạm và đánh chị. Sự việc kéo dài không thể khắc phục được mặc dù chị đã khuyên giải anh G nhiều lần. Hiện tại chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: chị và anh G có 01 con chung tên là Hoàng Trung H, sinh ngày 22/10/2015. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn G nhất trí với nội dung mà chị V trình bày về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị V đi làm ăn xa có quan hệ tình cảm với người khác nên anh có hành vi chửi vợ, vợ chồng có xảy ra xô sát. Hiện tại chị V đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, mặc dù anh đã đến đón và xin lỗi chị V nhưng không được chấp nhận. Nay anh G xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn muốn về đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh G đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung tên là Hoàng Trung H, sinh ngày 22/10/2015. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng chị V và anh G không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Ma Thị V và anh Hoàng Văn G kết hôn vào ngày 21/11/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Y. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V, qua lời khai của các đương sự đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V đi làm ăn xa, anh G nghi ngờ chị V có tình cảm với người đàn ông khác nên có hành vi đánh đập, xúc phạm chị V dẫn đến vợ chồng có xảy ra xô sát, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được. Hiện tại anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Từ khi chị V có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị V vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh G được ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, anh G có quan điểm nhất trí ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị V và anh G là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị V và anh G có 01 con chung tên là Hoàng Trung H, sinh ngày 22/10/2015, nay anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Theo tài liệu các bên đương sự cung cấp và được chính quyền địa phương xác nhận, chị V và anh G đều có nơi cư trú ổn định. Mức thu nhập bình quân hàng tháng hàng tháng của anh G là 9.500.000,đ (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) và của chị V là 5.000.000,đ (*Năm triệu đồng*).

Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, xét thấy hiện tại cháu Hiếu mới 03 tuổi và đang ở cùng mẹ có nơi ở và học tập ổn định. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu H cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị V không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí:* chị Ma Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Ma Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Ma Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Trung Hi, sinh ngày 22/10/2015. Anh Hoàng Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Ma Thị V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0002337 ngày 09/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh